

Số: 841/TMBG - BVĐK

Tuyên Hóa, ngày 08 tháng 11 năm 2022

## THƯ MỜI BÁO GIÁ LẦN 4

Kính gửi: Quý các Công ty.

Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình đang có nhu cầu lắp đặt hệ thống oxy trung tâm để điều trị bệnh nhân Covid-19 nặng phải thở oxy, oxy dòng cao và thở máy cho bệnh nhân mắc Covid-19 tại khoa HSCC-Chống độc và khoa Nội - Truyền nhiễm, Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa.

Nay đơn vị thông báo đến các công ty có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu tham gia gửi báo giá cung cấp hàng hóa như sau: *(Có phụ lục kèm theo)*

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 08/11/2022 đến ngày 14/11/2022 (Trong giờ hành chính)

Hình thức nhận bản báo giá: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện

Địa chỉ: Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa, tiểu khu Tam Đồng, thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Ông Phan Tiến Dũng, Trưởng Khoa Dược, Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa, SĐT: 0919419357

Bệnh viện rất mong nhận được sự tham gia của Quý các Công ty

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Lâm Tuấn Phương**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo thư mời chào giá số: 841/TMBG - BVTH, ngày 08/11/2022)

| STT      | Danh mục hàng                                                | Mã hàng/Model | Xuất xứ | Đơn vị     | Số lượng  | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) | Ghi chú |
|----------|--------------------------------------------------------------|---------------|---------|------------|-----------|---------------|------------------|---------|
| <b>1</b> | <b>Bồn oxy hóa lỏng</b>                                      |               |         | <b>bồn</b> | <b>1</b>  |               |                  |         |
|          | <b>Thông tin chung:</b>                                      |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Năm sản xuất: 2022 trở về sau                                |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Tiêu chuẩn đáp ứng: ISO 9001                                 |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | <b>Thông số kỹ thuật:</b>                                    |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Loại (Type): Đứng                                            |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Tổng dung tích : 4800 lít                                    |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Dung tích ròng: 4320 lít                                     |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Tỉ lệ bốc hơi: 0.45%/ngày                                    |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Áp suất làm việc: 1.6 Mpa                                    |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Kích thước: 2400x3936 mm                                     |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Vật liệu vỏ trong: S30408                                    |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Vật liệu vỏ ngoài: Q345R                                     |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | <b>Cấu hình bao gồm:</b>                                     |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Bồn oxy hóa lỏng kèm dàn hóa hơi: 01 bộ                      |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Bộ điều áp: 01 bộ (Mua tại Việt Nam)                         |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Bộ tiết kiệm oxy: 01 bộ (Mua tại Việt Nam)                   |               |         |            |           |               |                  |         |
| <b>2</b> | <b>Ổ khí oxy</b>                                             |               |         | <b>bộ</b>  | <b>20</b> |               |                  |         |
|          | <b>Thông tin chung:</b>                                      |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Năm sản xuất: 2021                                           |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Tiêu chuẩn đáp ứng: ISO13485, ISO 14001:2015 và ISO45001, EC |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | <b>Thông số kỹ thuật:</b>                                    |               |         |            |           |               |                  |         |
|          | Sử dụng chuyên biệt cho loại khí ôxy                         |               |         |            |           |               |                  |         |

|          |                                                 |  |          |              |           |  |  |  |
|----------|-------------------------------------------------|--|----------|--------------|-----------|--|--|--|
|          | Sử dụng bi làm khoá giữ đầu cắm đực             |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Có chế độ khoá đầu cắm đực nhưng chưa cấp khí   |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Chuẩn cắm DIN                                   |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Áp lực làm việc: 5 bar                          |  |          |              |           |  |  |  |
|          | <b>Cấu hình bao gồm:</b>                        |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Ố khí oxy: 01 ỗ                                 |  |          |              |           |  |  |  |
| <b>3</b> | <b>Lưu lượng kế kèm bình làm ẩm</b>             |  | <b>6</b> | <b>bộ</b>    | <b>20</b> |  |  |  |
|          | <b>Thông tin chung:</b>                         |  |          |              |           |  |  |  |
|          | - Năm sản xuất: 2021                            |  |          |              |           |  |  |  |
|          | - Tiêu chuẩn đáp ứng: ISO 13485 và EC           |  |          |              |           |  |  |  |
|          | <b>Thông số kỹ thuật:</b>                       |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Lưu lượng kế có mức điều chỉnh: 0 - 15 lít/phút |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Bình làm ẩm có dung tích: 200 ml                |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Chuẩn cắm DIN                                   |  |          |              |           |  |  |  |
|          | <b>Cấu hình bao gồm:</b>                        |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Lưu lượng kế: 01 bộ                             |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Bình làm ẩm 200ml: 01 bình                      |  |          |              |           |  |  |  |
| <b>4</b> | <b>Đầu cắm nhanh khí oxy</b>                    |  |          | <b>chiếc</b> | <b>10</b> |  |  |  |
|          | <b>Thông tin chung:</b>                         |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Năm sản xuất: 2021                              |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Tiêu chuẩn đáp ứng: ISO 9001, ISO 13485 và EC   |  |          |              |           |  |  |  |
|          | <b>Thông số kỹ thuật:</b>                       |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Đầu cắm nhanh chuẩn DIN cho khí oxy             |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Đánh dấu phân biệt bằng màu theo tiêu chuẩn     |  |          |              |           |  |  |  |
|          | <b>Cấu hình bao gồm:</b>                        |  |          |              |           |  |  |  |
|          | Đầu cắm nhanh khí oxy: 01 chiếc                 |  |          |              |           |  |  |  |
| <b>5</b> | <b>Hệ thống Ống đồng</b>                        |  |          |              |           |  |  |  |

|          |                                             |           |                           |       |     |  |  |  |
|----------|---------------------------------------------|-----------|---------------------------|-------|-----|--|--|--|
|          | Năm sản xuất: 2021                          |           |                           |       |     |  |  |  |
|          | Tiêu chuẩn sản xuất:<br>ISO 9001, ISO 13348 |           |                           |       |     |  |  |  |
|          | Chất liệu: đồng đỏ                          |           |                           |       |     |  |  |  |
| 5.1      | Cung cấp và lắp đặt<br>ống đồng D15         |           |                           | m     | 50  |  |  |  |
| 5.2      | Cung cấp và lắp đặt<br>ống đồng D22         |           |                           | m     | 20  |  |  |  |
| 5.3      | Cung cấp và lắp đặt<br>ống đồng D28         |           |                           | m     | 130 |  |  |  |
| <b>6</b> | <b>Phụ kiện lắp đặt<br/>đường ống đồng</b>  |           |                           |       |     |  |  |  |
| 6.1      | Cung cấp và lắp đặt<br>măng xông đồng D15   |           |                           | cái   | 18  |  |  |  |
| 6.2      | Cung cấp và lắp đặt<br>măng xông đồng D22   |           |                           | cái   | 9   |  |  |  |
| 6.3      | Cung cấp và lắp đặt<br>măng xông đồng D28   |           |                           | cái   | 45  |  |  |  |
| 6.4      | Cung cấp và lắp đặt tê<br>đồng D15          |           |                           | cái   | 18  |  |  |  |
| 6.5      | Cung cấp và lắp đặt tê<br>đồng D22          |           |                           | cái   | 2   |  |  |  |
| 6.6      | Cung cấp và lắp đặt tê<br>đồng D28          |           |                           | cái   | 12  |  |  |  |
| 6.7      | Cung cấp và lắp đặt<br>côn thu đồng D28-22  |           |                           | cái   | 10  |  |  |  |
| 6.8      | Cung cấp và lắp đặt<br>côn thu đồng D22-15  |           |                           | cái   | 10  |  |  |  |
| 6.9      | Cung cấp và lắp đặt cắt<br>đồng D15         |           |                           | cái   | 54  |  |  |  |
| 6.10     | Cung cấp và lắp đặt cắt<br>đồng D22         |           |                           | cái   | 24  |  |  |  |
| 6.11     | Cung cấp và lắp đặt cắt<br>đồng D28         |           |                           | cái   | 36  |  |  |  |
| 7        | Van cách ly D28                             |           | Mua<br>tại<br>Việt<br>Nam | chiếc | 2   |  |  |  |
| 8        | Lắp đặt giá đỡ ống                          |           | Mua<br>tại<br>Việt<br>Nam | cái   | 80  |  |  |  |
| 9        | Hộp nhựa 400x100<br>bảo vệ đường ống        | GA 100/02 | Mua<br>tại<br>Việt<br>Nam | m     | 50  |  |  |  |
| 10       | Chi phí kiểm định                           |           |                           | HT    | 1   |  |  |  |

|           |   |  |
|-----------|---|--|
| TỔNG CỘNG | - |  |
|-----------|---|--|

**Ghi chú:**

1. Giá chào giá đã bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển và lắp đặt, chưa bao gồm phần công việc xây dựng nhà trung tâm
2. Hàng mới 100%, đúng xuất xứ đã chào